UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH THI TỐT NGHIỆP THÁNG 11/2019
NGÀNH DƯỢC TRUNG CẤP VỪA LÀM VỪA HỌC
LỚP: DVLVH 1,2, DVLVH 14A

Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	Lớp	Ghi chú
MÔN CHÍNH TRỊ						
1	Hà Huy Hoàng	Nam	25/08/1995	1670060039	D 2,5 năm - K2	thi lần 1
MÔN LTCMTH						
1	Hà Huy Hoàng	Nam	25/08/1995	1670060039	D 2,5 năm - K2	thi lần 1
2	Nguyễn Vũ Tố	Chi	24/04/1994	1570060150	D VLVH 14A	
MÔN HÓA DƯỢC - DƯỢC LÝ						
1	Hà Huy Hoàng	Nam	25/08/1995	1670060039	D 2,5 năm - K2	thi lần 1
2	Nguyễn Trộng	Ân	29/04/1992	1570060188	D 2,5 năm - K1	
MÔN DƯỢC LIỆU						
1	Hà Huy Hoàng	Nam	25/08/1995	1670060039	D 2,5 năm - K2	thi lần 1
2	Lê Đình	Nhuận	06/07/1982	1570060189	D 2,5 năm - K1	
MÔN BÀO CHẾ						
1	Hà Huy Hoàng	Nam	25/08/1995	1670060039	D 2,5 năm - K2	thi lần 1

Đồng Nai, ngày 30 tháng 10 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

Nguyễn Hồng Quang

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH THI LẠI TỐT NGHIỆP THÁNG 11/2019
NGÀNH DƯỢC TRUNG CẤP CHÍNH QUY

Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	Lớp	Ghi chú
MÔN CHÍNH TRỊ						
1	Phan Văn	Tuấn	(22/07/1994)	1630060099	DCQ 15	
MÔN LÝ THUYẾT CHUYÊN MÔN TỔNG HỢP						
1	Nguyễn Phạm Phương	Uyên	(13/12/1998)	1630060065	DCQ 15	
2	Phan Văn	Tuấn	(22/07/1994)	1630060099	DCQ 15	
MÔN HÓA DƯỢC- DƯỢC LÝ						
1	Trần Thị Bích	Thủy	(14/07/1985)	1630050016	DCQ 15	
2	Nguyễn Thị Ngọc	Loan	(16/8/1997)	1530060261	DCQ 14	
3	Phan Văn	Tuấn	(22/07/1994)	1630060099	DCQ 15	
MÔN DƯỢC LIỆU						
1	Trần Thị Bích	Thủy	(14/07/1985)	1630050016	DCQ 15	
2	Nguyễn Thị Ngọc	Loan	(16/8/1997)	1530060261	DCQ 14	
3	Phan Văn	Tuấn	(22/07/1994)	1630060099	DCQ 15	
MÔN BÀO CHẾ						
1	Nguyễn Thị Ngọc	Loan	(16/8/1997)	1530060261	DCQ 14	
2	Phan Văn	Tuấn	(22/07/1994)	1630060099	DCQ 15	

Đồng Nai, ngày 30 tháng 10 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

Nguyễn Hồng Quang

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI TỐT NGHIỆP THÁNG 11 NĂM 2019
NGÀNH DƯỢC SĨ TRUNG CẤP VĂN BẰNG 2
KHÓA II (2017 - 2018)

STT	Mã SV	Họ SV	Tên	Kiểm nghiệm	HPT 1 & 2	HD- DL 1 & 2	Dược liệu	Bào chế 1 & 2	BQT và DC y tế	Dược LS	TTTN	QL Dược	TV - VĐTT	TBC NH	XL NH	GHI CHÚ
				4	6	8	5	8	2	2	6	4	4			
1	1750060002	Lê Công	Danh	7.1	6	5.9	5.2	6.1	6.3	5.4	8	5	5.4	6.1	TB.Khá	
2	1750060052	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	7.1	6.5	5.4	5.6	6	7.2	6.1	6.9	6.4	6.1	6.2	TB.Khá	

Ấn định danh sách này có 02 (Không hai) học sinh.

Đồng Nai, ngày 30 tháng 10 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

Nguyễn Hồng Quang

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI TỐT NGHIỆP THÁNG 11/2019
NGÀNH DƯỢC SĨ TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY
KHÓA 14 (2015 - 2017)
NĂM HỌC THỨ II (2016- 2017)

Stt	Mã SV	Họ tên SV		TC & QLYT	Bào chế 2	Bảo quản thuốc	TT GDSK	Dược lâm sàng	Pháp luật	Anh văn 3	HD - DL 2	KN	Bào chế 1	Dược liệu	TTTN	TBC NH	XL NH	Ghi chú
1	1530060062	Trần Tuấn	Khanh	5.8	5	6.3	6	6.9	7.7	5	5	5.8	5.4	5.3	5	5.6	T.Bình	

Đồng Nai, ngày 30 tháng 10 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

Nguyễn Hồng Quang

UBND TỈNH ĐỒNG NAI

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI TỐT NGHIỆP THÁNG 11/2019

NGÀNH DƯỢC SĨ TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY

KHÓA 15 (2016 - 2018)

NĂM HỌC THỨ II (2017- 2018)

Stt	Mã SV	Họ tên SV		TC & QL YT	HD-DL 2	Bào chế 2	Bảo quản thuốc	TT GDSK	Dược lâm sàng	Anh văn 3	Kiểm nghiệm	Bào chế 1	Quản lý dược	Dược liệu	TTTN	TBC NH	XL NH	Ghi chú
1	1630060006	Nguyễn Thị Lệ	Trang	6	6.4	6.5	6	6.6	6.1	7.1	6.5	6.8	7.3	6.5	8.5	6.9	TB.Khá	

Ấn định danh sách này có 01 (Không một) học sinh.

Đồng Nai, ngày 30 tháng 10 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

Nguyễn Hồng Quang

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI TỐT NGHIỆP THÁNG 11/2019
NGÀNH DƯỢC SĨ TRUNG CẤP VĂN BẰNG 2
KHÓA III (2018-2019)

STT	Mã SV	Họ	Tên	Bảo quản thuốc		Hóa phân tích 1 & 2		dược lý 1 & 2		Dược liệu		Bào chế 1 & 2		nghiệm thuốc		Dược lâm sàng		TTTN		QL Dược		Thực vật - VĐTT		TBC NH	XL NH	Ghi chú
				Thi	KQ	Thi	KQ	Thi	KQ	Thi	KQ	Thi	KQ	Thi	KQ	Thi	KQ	Thi	KQ	Thi	KQ	Thi	KQ			
					2		6		8		5		8		4		2		6		4		4	49		
1	1852010015	Nguyễn Thị Châu	An	9	8.4	5.9	7.3	7.6	7.5	7.8	8.6	8.3	7.4	9	7.7	8	8.1	9	9.3	7.9	7.7	7	7.7	7.9	Khá	
2	1852010039	Lê Thị	Anh	8.6	8	6.7	6.9	6.8	7.3	7	7.1	8.5	7.6	9.2	7.8	7.8	8	8.3	8.8	7.5	7.2	7.3	7.4	7.6	Khá	
3	1852010055	Nguyễn Thị Vân	Anh	8.2	7	6.3	5.9	5.4	5.7	6.7	5.9	6.9	6.8	8	7.7	7	7.2	8	8.5	6.2	6.5	8.9	7.9	6.8	TB - Khá	
4	1852010019	Nguyễn Thị Hồng	Chi	7.6	7	5.9	5.9	6.9	7.2	6.6	6.7	6.2	6.5	7.1	7.4	5.9	6.5	7	7.8	6.8	6.6	7.5	7.6	6.9	TB - Khá	
5	1852010003	Trần Thị	Cúc	7.9	6.9	5.2	5.9	4.6	5.5	5.8	6.1	6.8	6.6	6.9	6.9	6.2	6.7	8.3	8.8	6.7	6.9	7.6	6.5	6.6	TB - Khá	
6	1852010048	Phan Thị Tường	Duy	8.6	7.9	5.4	6	6.4	6.5	7	6.1	7.2	6.6	8.6	7.7	7.9	8	9	9.3	6.4	6.3	7.2	7	7	Khá	
7	1852010027	Nguyễn Minh	Hà	8.9	8	6.5	6.8	6.4	6.5	4.8	5.8	5.7	6	6.4	6.7	6.5	7.2	8	8.5	6.1	6.2	7	6.6	6.7	TB - Khá	
8	1852010041	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	7.4	7.1	6.3	6.2	6.4	6.2	6	6.1	7.3	6.4	8.1	6.9	5.8	6	9	9.1	6.8	6.7	4.8	6.9	6.8	TB - Khá	
9	1852010020	Phạm Thị Thu	Hằng	8	7.2	4.9	5.8	4.5	5.3	5	5.3	4.9	5.7	5.8	6.7	6.6	7	6	7.1	5.7	6.3	7.3	6.5	6.1	TB - Khá	
10	1852010051	Lê Thị Thảo	Hiếu	7.8	7.2	4.4	6	6.3	6.4	5.7	5.6	5.8	6.5	6.8	7.2	5.5	6.4	6.5	7.4	6.6	6.4	6.8	6.6	6.5	TB - Khá	
11	1852010016	Trần Thị	Hường	8.9	8.5	6.5	7.1	7.9	7.5	6.6	8.4	9	8.3	8.8	8	8.6	8.5	8.8	9.1	8.6	8.4	7.9	8	8.1	Giỏi	
12	1852010053	Mai Đoàn Thị	Liên	7.7	7	5.4	6	5.6	6.9	5.8	6.2	7.6	6.5	6.6	7.1	6.7	7.4	6.5	7.4	6.5	6.5	7.2	6.8	6.7	TB - Khá	

STT	Mã SV	Họ	Tên	Bảo quản thuốc		Hóa phân tích 1 & 2		dược lý 1 & 2		Dược liệu		Bào chế 1 & 2		nghiệm thuốc		Dược lâm sàng		TTTN		QL Dược		Thực vật - VĐTT		TBC NH	XL NH	Ghi chú
				Thi	KQ	Thi	KQ	Thi	KQ	Thi	KQ	Thi	KQ	Thi	KQ	Thi	KQ	Thi	KQ	Thi	KQ	Thi	KQ			
					2		6		8		5		8		4		2		6		4		4	49		
13	1852010047	Phạm Thị	Linh	8.1	7.5	6.2	5.9	5.4	6.3	5.5	6	5.4	5.7	7.3	6.6	4.9	6.1	7.8	8.4	6.4	6.8	6.2	6.2	6.5	TB - Khá	
14	1852010050	Mai Thị	Loan	7.4	7	5.2	6	6.2	6.2	5	5.2	5.7	6.2	7.7	6.9	6.1	6.4	7	7	6.8	6.8	4.9	6.3	6.3	TB - Khá	
15	1852010010	Nguyễn Thị Thúy	Loan	7.9	7.4	4.3	5.7	5.4	5.3	5.5	5.5	5.5	6.4	6.1	6.4	5.1	6.3	8	8.5	5.7	6	4.2	5.4	6.2	TB - Khá	
16	1852010057	Nguyễn Thị	Lý	8.3	7.1	5.9	6.8	7	7.5	7	6.9	7.3	6.6	8.1	6.7	6.9	7.4	8	8.5	7	6.8	6.1	7.1	7.2	Khá	
17	1852010031	Đinh Thị Ngọc	Mai	7.6	7.7	5.5	6.2	6.1	6.6	6.9	6.8	6.7	6.8	6.8	6.1	6.3	7.1	8.5	8.9	6.3	6.3	6.4	7	6.9	TB - Khá	
18	1852010021	Trần Thị Ngọc	Mỹ	8.5	8.2	8	7.8	7.9	7.6	7.8	7.9	8	7.5	9.3	7.7	8.2	8.2	7	7.8	7.6	7.5	8.6	8.3	7.8	Khá	
19	1852010044	Đinh Thị	Nga	7.2	7.3	4.5	5.8	7.4	6.6	6.6	5.6	6.3	6	7.7	6.7	6.9	7.2	6.8	7.6	6.7	6.9	5.8	6.5	6.5	TB - Khá	
20	1852010052	Đỗ Lê Thảo	Nguyên	8.6	7.9	4.2	5.8	6.3	6.7	5.6	5.2	7.2	6.8	6.5	6.3	7.4	7.5	9	9.3	6.9	6.8	6.6	6.4	6.8	TB - Khá	
21	1852010026	Ngô Hoàng Đình	Nguyên	7.2	7	5.1	6.2	5.9	6.4	5.9	6.1	6.7	6.8	7.3	6.4	5.6	6	7	7.8	7.4	7.6	6.6	6.7	6.7	TB - Khá	
22	1852010034	Cao Thị	Oanh	8.7	8.2	7.2	7.6	7.3	7.6	6.9	6.1	8.2	7.8	8.1	7.7	7.9	7.8	9.5	9.5	8.6	8.5	7.8	8.1	7.9	Khá	
23	1852010033	Mạch Đỗ Yến	Phương	8.8	8.1	5.5	7.2	6.7	6.8	7.1	7.6	8.1	7.7	8.6	8.2	7.4	7.7	8	8.5	7.8	7.4	8.1	7.4	7.6	Khá	
24	1852010009	Nguyễn Văn	Phương	7.7	7.6	4.4	6.4	7.2	7.2	5.8	5.3	6.3	6.4	7	6.7	6.7	7	8.5	8.9	6.9	6.5	8	7	6.9	TB - Khá	
25	1852010049	Hoàng Thị Ngọc	Phượng	8.3	7.9	6.6	6.7	7.7	7	6.8	7	8.1	7.5	9.4	7.5	6.9	7.3	5.5	6.7	7.5	7.5	6.2	6.1	7.1	Khá	
26	1852010022	Võ Thị Lệ	Quyên	7.3	6.5	5.9	6.7	7.2	6.8	5.3	6.3	6.6	6.7	6.7	7	6.9	7.2	6	7.1	7.2	7.2	7.4	7.1	6.8	TB - Khá	
27	1852010045	Lê Thị	Sương	8.1	7.7	4.8	5.8	7.2	7	6	6.7	7	6.7	8.1	7.4	7	7.5	6.5	7.4	7.2	7.3	6.5	7	6.9	TB - Khá	
28	1852010013	Nguyễn Lương	Thinh	7.9	7.2	6.9	7.2	6.9	6.9	5.4	6	8	6.9	8.3	7.7	6.9	7.1	7	7.8	6.7	6.8	7.5	7.7	7.1	Khá	

STT	Mã SV	Họ	Tên	Bảo quản thuốc		Hóa phân tích 1 & 2		dược lý 1 & 2		Dược liệu		Bào chế 1 & 2		nghiệm thuốc		Dược lâm sàng		TTTN		QL Dược		Thực vật - VĐTT		TBC NH	XL NH	Ghi chú
				Thi	KQ	Thi	KQ	Thi	KQ	Thi	KQ	Thi	KQ	Thi	KQ	Thi	KQ	Thi	KQ	Thi	KQ	Thi	KQ			
					2		6		8		5		8		4		2		6		4		4	49		
29	1852010001	Vi Thị	Thớm	8.8	8.2	5.6	6.7	7	7.1	5.9	5.9	7.1	5.7	8.8	8.1	6.9	7.2	6.8	7.6	7.7	7.6	6.4	7.1	6.9	TB - Khá	
30	1852010025	Nguyễn Thị Bích	Thủy	7.7	7.1	3.6	5.2	4.3	5.2	5.5	5.1	5.5	6.2	8.4	6.9	6	6.7	7.8	8.4	5.6	5.7	5.8	5.6	6.1	TB - Khá	
31	1852010032	Tạ Thị Phương	Uyên	7.6	7.6	5.8	6.2	5.2	5.6	6.2	5.2	5.2	6	5.5	6.4	7.1	7.4	7.3	8	5.1	6.1	5.3	6.2	6.3	TB - Khá	
32	1852010056	Trần Kim Thiên	Vũ	8.2	7.4	6.2	6.4	7.3	6.2	5.7	5.5	8.4	7.6	6.2	7.3	7.8	8	6.8	7.6	6.5	6.1	8.5	7.5	6.9	TB - Khá	

Ấn định danh sách này có 32 (Ba mươi hai) học sinh.

Đồng Nai, ngày 30 tháng 10 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

Nguyễn Hồng Quang

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI TỐT NGHIỆP THÁNG 11/2019
NGÀNH TRUNG CẤP DƯỢC 2,5 NĂM - KHÓA 2 (2016 - 2018)
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC

STT	Mã SV	Họ tên SV	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Quản lý & Tổ chức Y tế	Viết đọc tên thuốc	Hóa dược - Dược lý 2	Kiểm nghiệm	Bào chế 2	Bảo quản thuốc	Truyền thông GD SK	Hóa phân tích 1	Hóa phân tích 2	Thực vật	Y học 1	Y học 2	Tin học Căn bản	Pháp luật	Anh văn 1	Anh văn 2	Giáo dục chính trị	Anh Văn 3	Bào chế 1	Quản lý dược	Dược liệu	Dược lâm sàng	Hóa dược - dược lý 1	Thực tế nghề nghiệp	Điểm TB TK	Xếp loại TK
								2	1	4	4	3	2	2	3	3	3	4	4	3	2	3	3	4	3	5	4	5	2	5	6	80	
1	1670060110	Hoàng Thị Diễm Lệ	(19/12/1992)	Gia Lai	Nữ	Kinh	Việt Nam	7,9	8,3	7,3	8,1	7,3	8,4	7,7	6,7	5,8	7,6	6,3	6,1	MM	MM	MM	MM	8,4	MM	7,3	7,5	5,9	8,1	6,7	9,6	7,4	Khá

Ấn định danh sách này có 01 (không một) học sinh.

Đồng Nai, ngày 30 tháng 10 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

Nguyễn Hồng Quang